



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Ngày 31/12/2025	7,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.0%	-	-

DT thuần Q4/25
1,335
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 684 105%
YoY: ▼113 -7.8%

LN thuần Q4/25
47.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 92.2 204%
YoY: ▼16.0 -25.5%

LN sau thuế Q4/25
49.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 145 151%
YoY: ▼18.3 -27.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
4.3%
YoY: +/- ▼ 0.5%

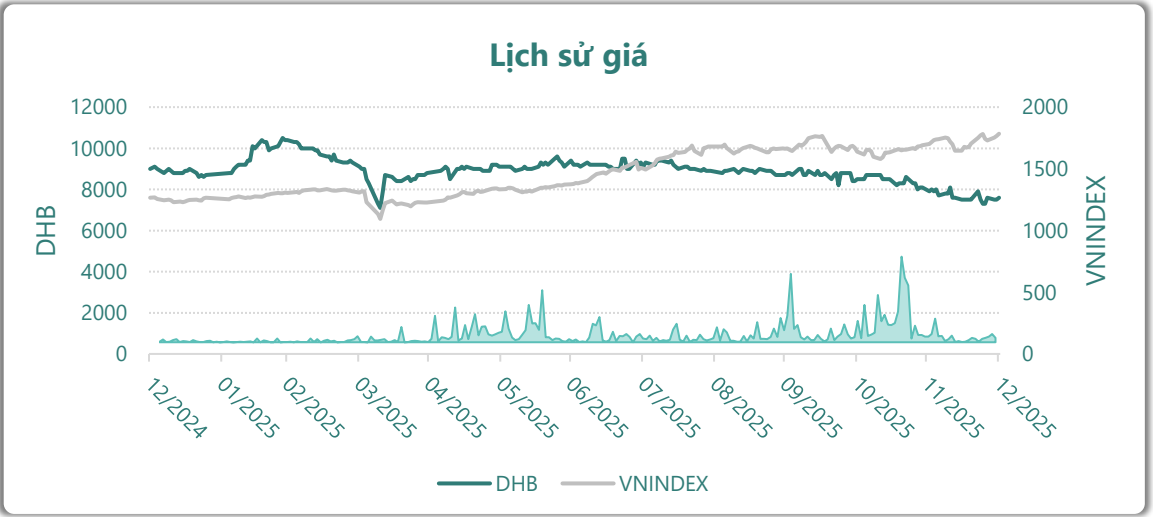
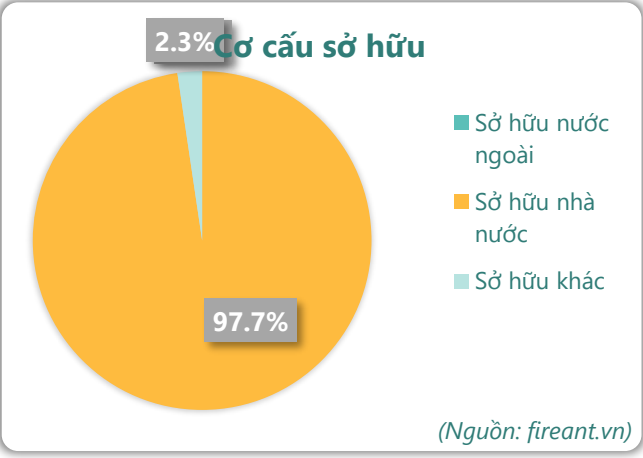
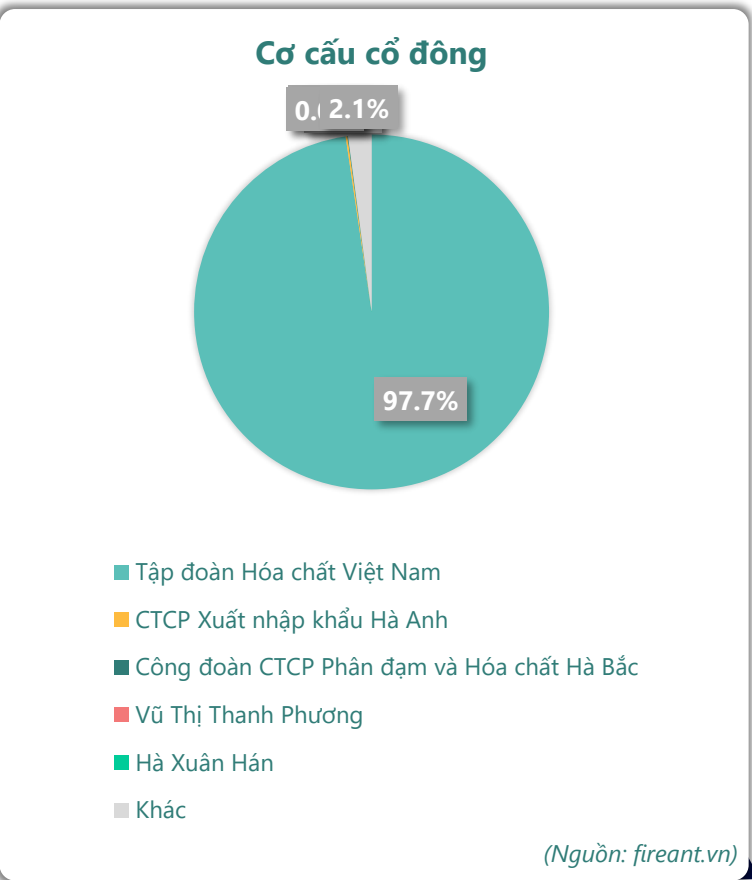
ROE 2025
1.7%
YoY: +/- ▲ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,100 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,069
Số lượng CPLH (CP)	272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,520
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.29
EPS	39
P/E	194.5

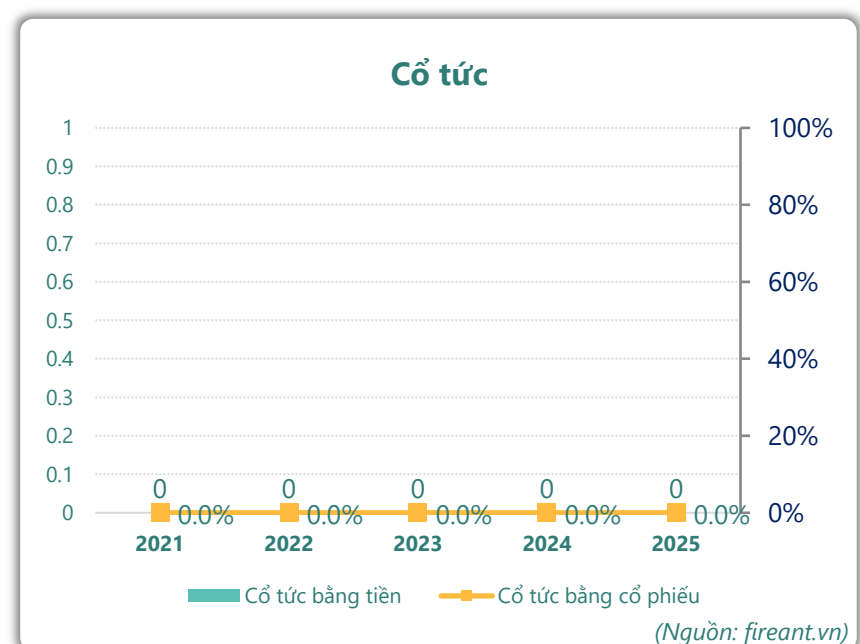
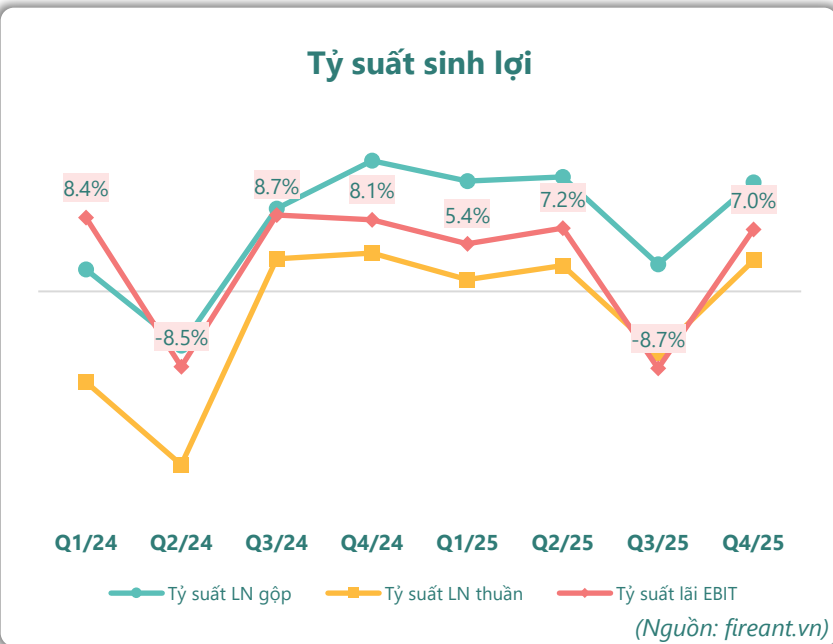
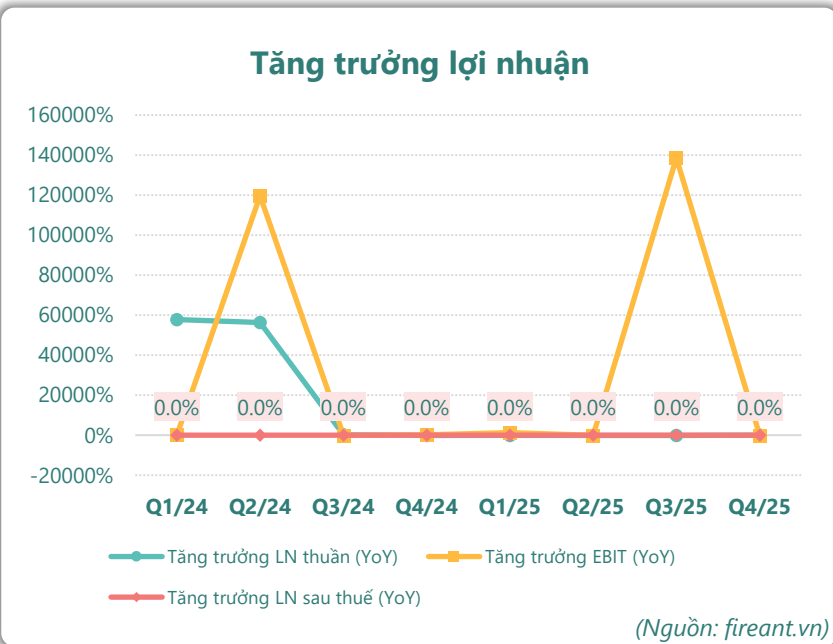
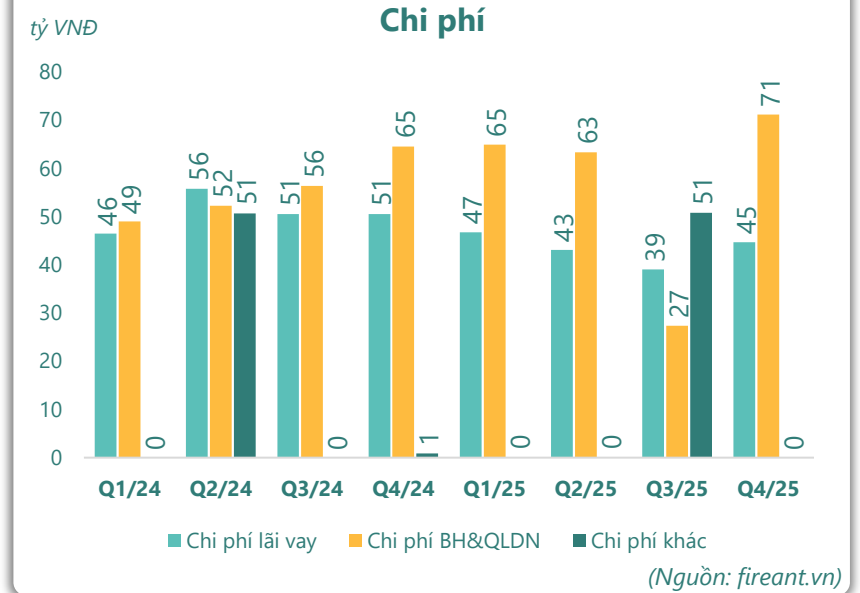
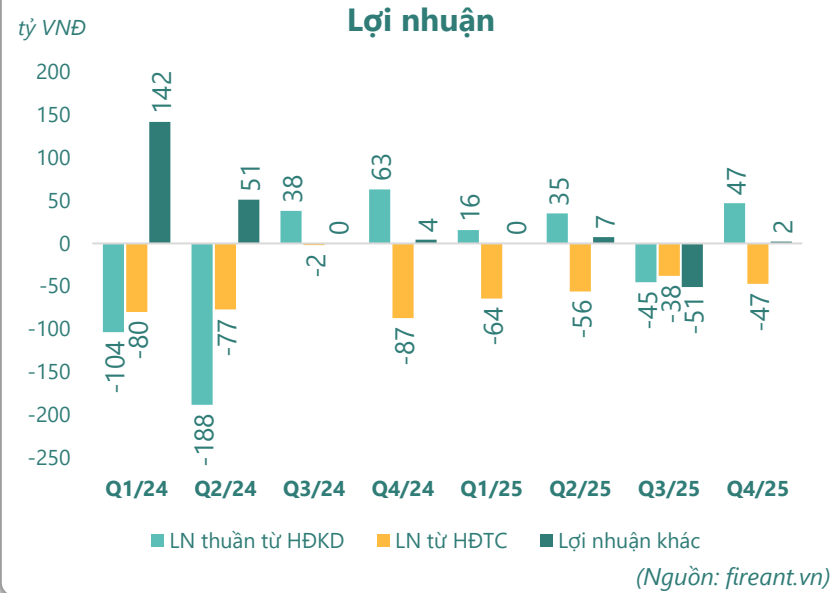
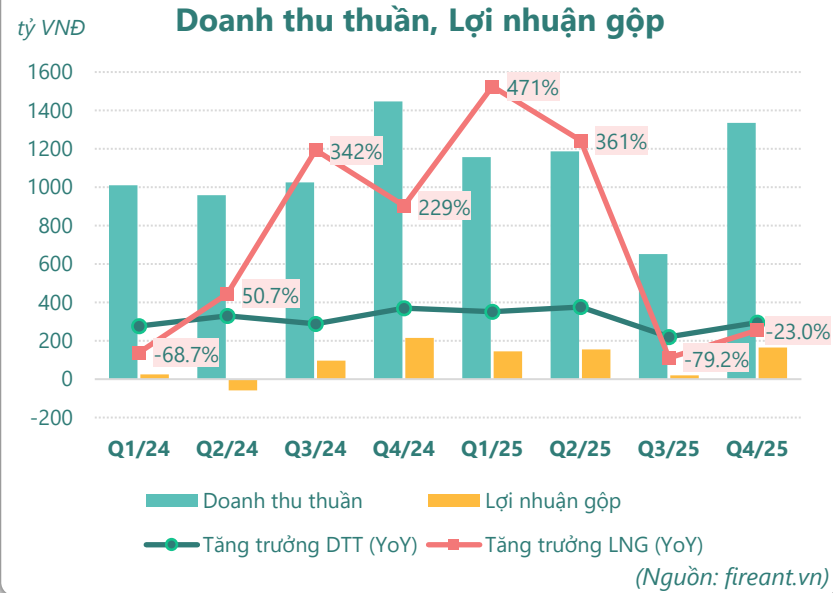
DT thuần 2025
4,330
tỷ VNĐ
YoY: ▼109 -2.5%

LN thuần 2025
52.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 243 127%

LN sau thuế 2025
10.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.75 55.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

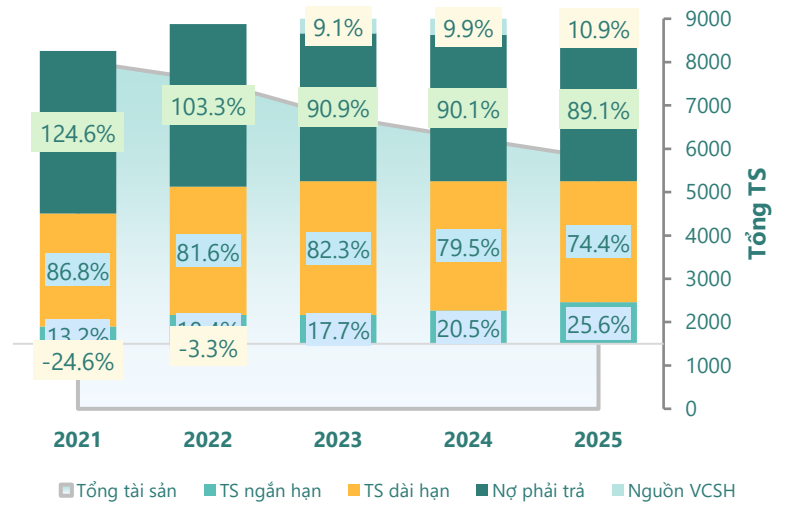


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

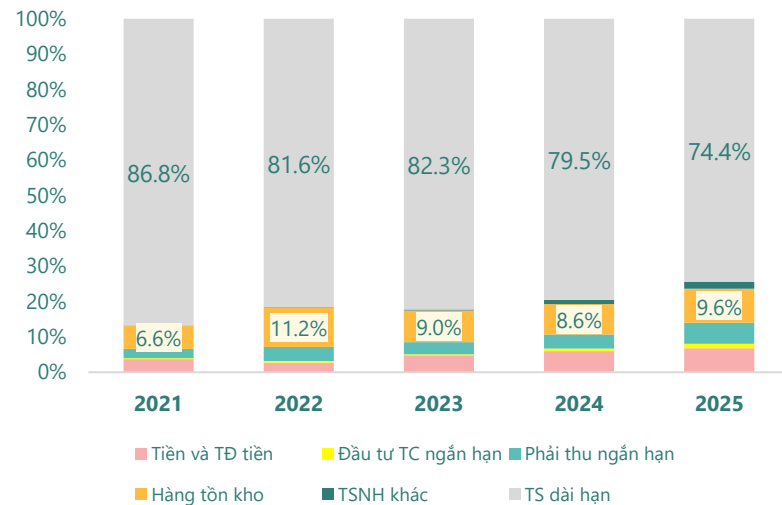
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

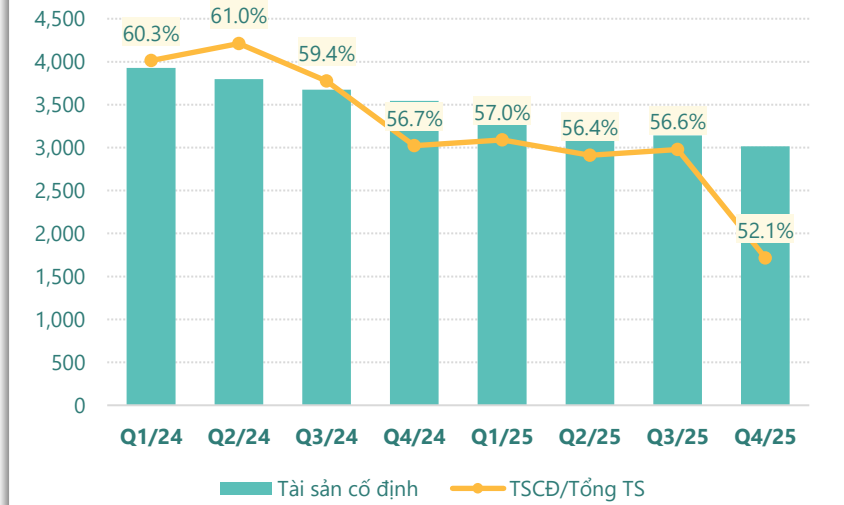
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

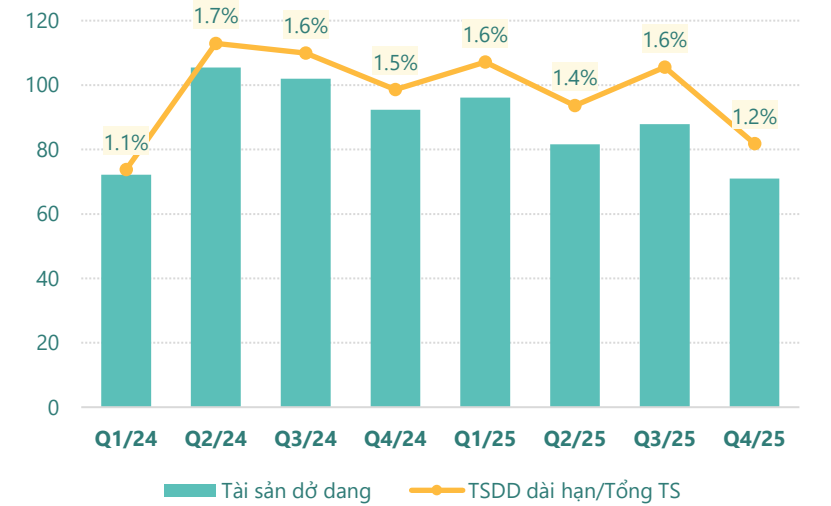
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

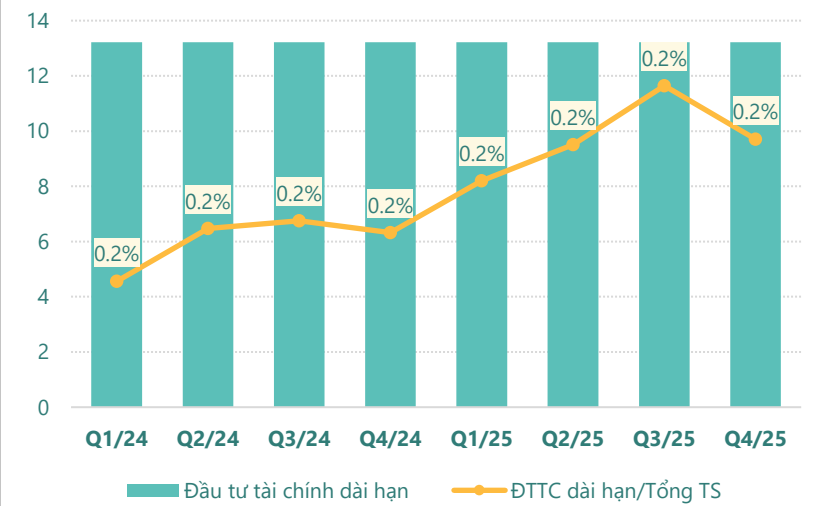
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

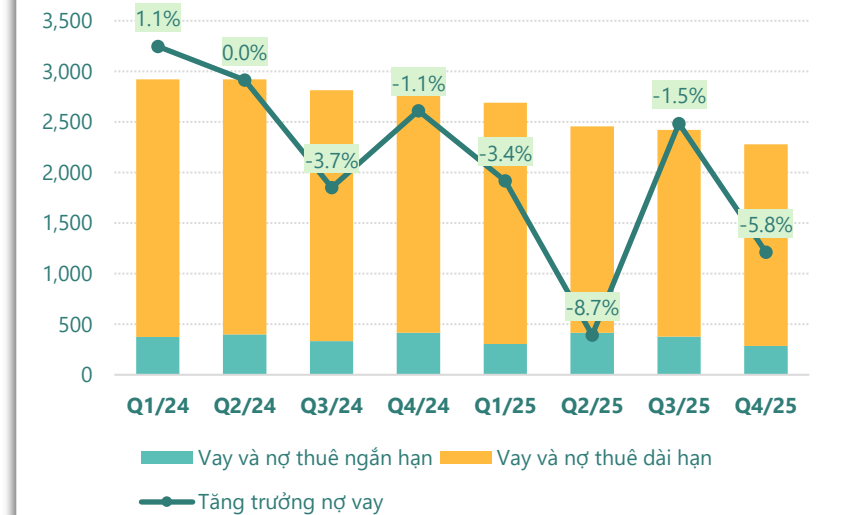
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

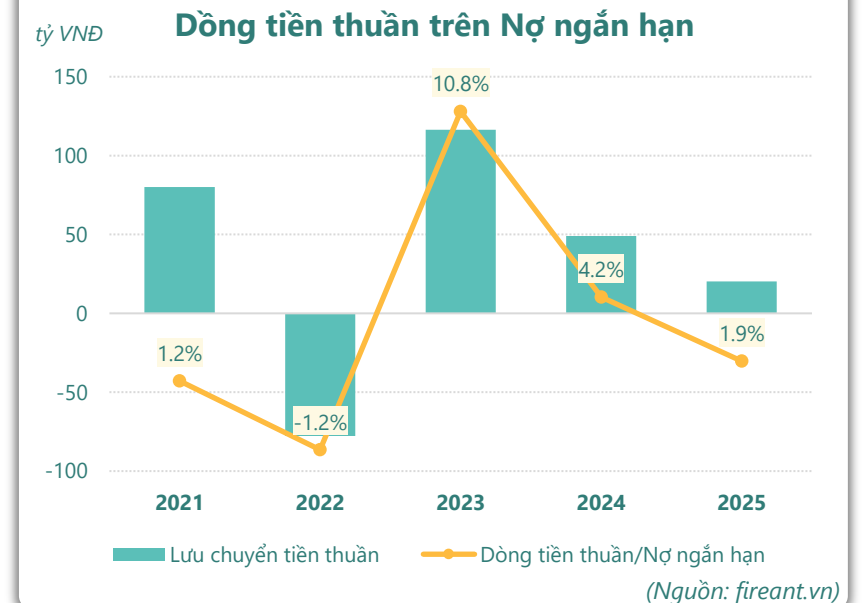
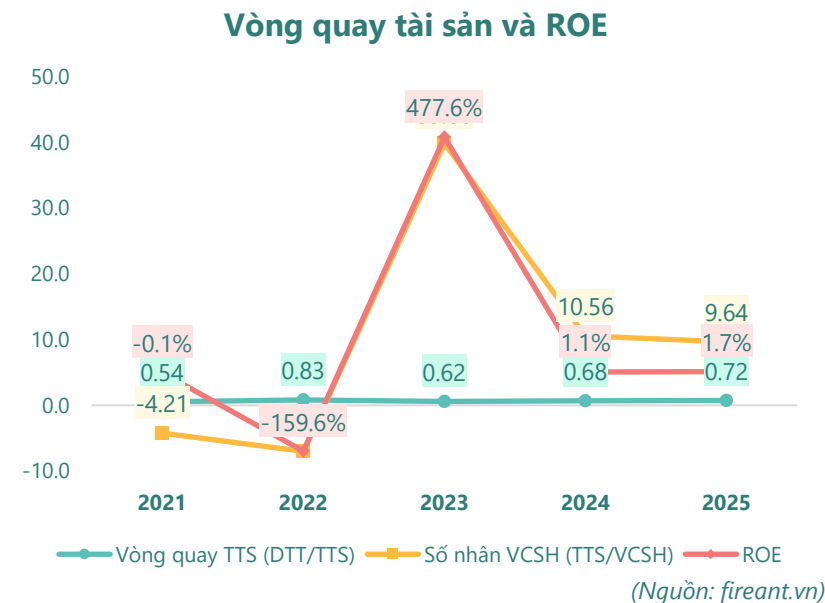
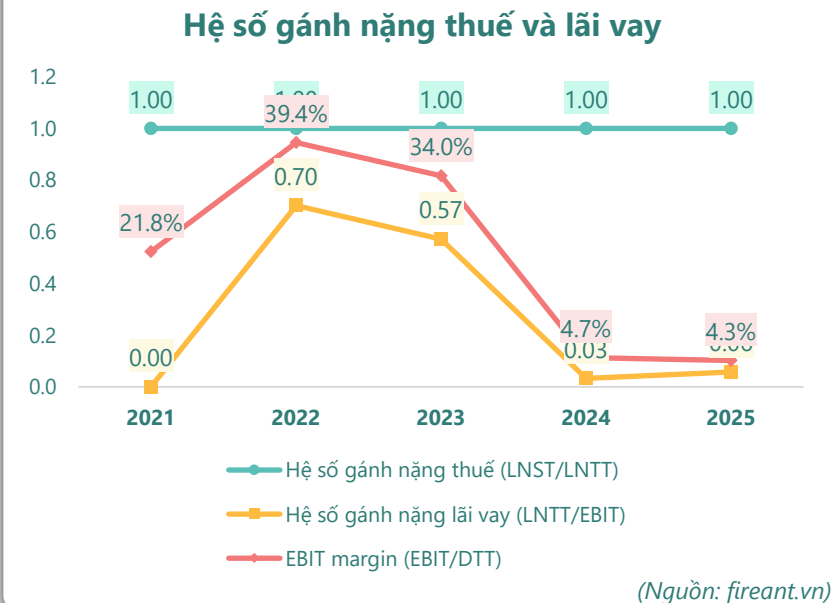
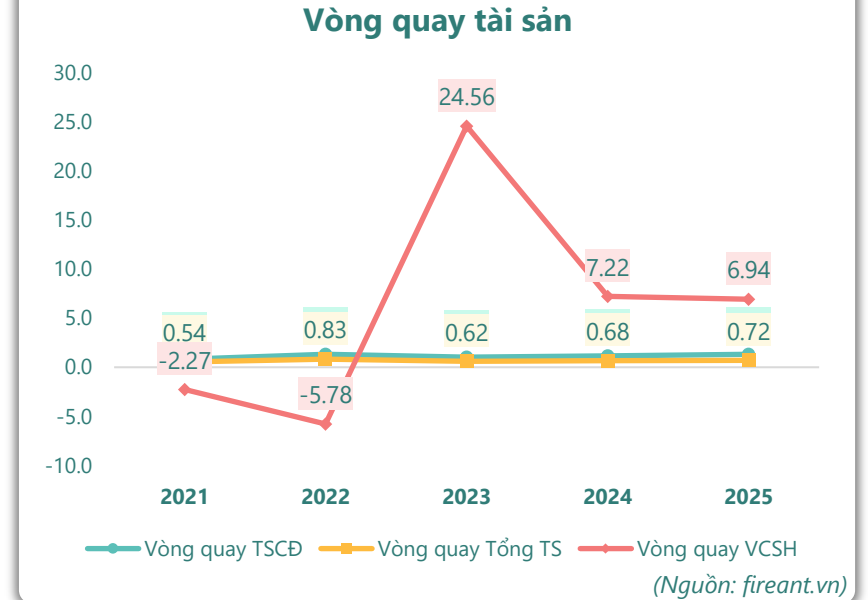
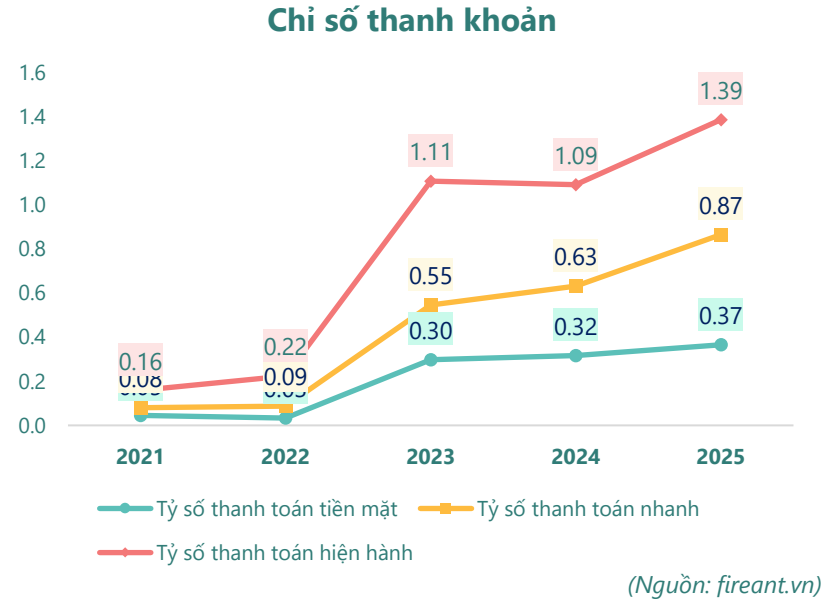
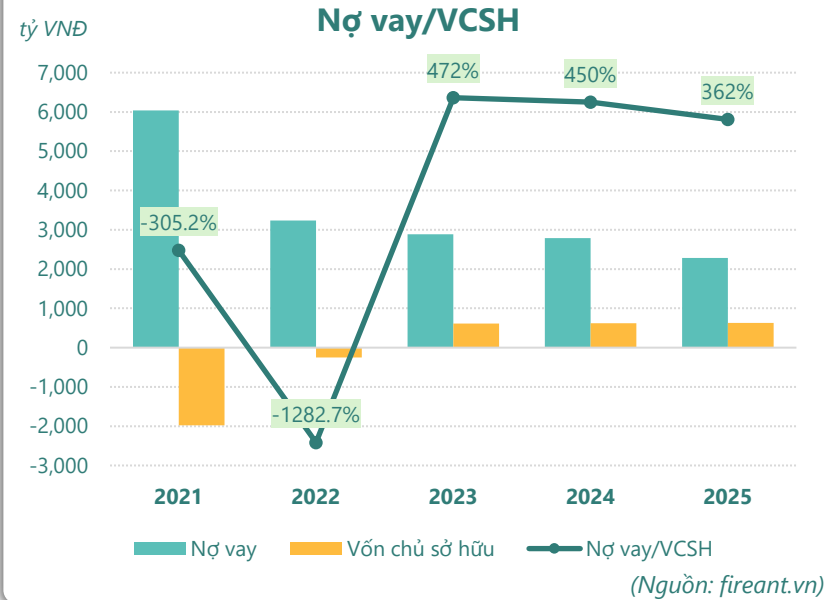
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,335	1,448	-7.8%	4,330	4,439	-2.5%
Giá vốn hàng bán	1,169	1,233	-5.2%	3,846	4,162	-7.6%
Lợi nhuận gộp	165	215	-23.1%	484	278	74.4%
Doanh thu HĐTC	2.09	11.0	-81.0%	14.8	26.9	-45.1%
Chi phí TC	49.3	98.0	-49.7%	220	273	-19.4%
Chi phí lãi vay	44.7	50.5	-11.5%	174	203	-14.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	23.8	31.5	-24.6%	86.0	86.3	-0.4%
Chi phí QLDN	47.4	33.0	43.6%	141	136	3.6%
LN thuần từ HĐKD	47.0	63.0	-25.5%	52.1	-191	127%
Lợi nhuận khác	2.01	4.28	-53.0%	-41.5	197	-121%
LN trước thuế	49.0	67.3	-27.2%	10.6	6.85	55.4%
Lợi nhuận sau thuế	49.0	67.3	-27.2%	10.6	6.85	55.4%
LNST của CĐ cty mẹ	49.0	67.3	-27.2%	10.6	6.85	55.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	137	191	112	181	-43.3	347
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.4	-6.88	30.2	-102	25.4	15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-67.1	-70.9	-111	-254	-30.6	-150
Tiền đầu kỳ	234	259	372	403	231	183
Lưu chuyển tiền thuần	25.2	114	31.2	-175	-48.5	212
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.26	-1.15	0	2.80	0	-4.55
Tiền cuối kỳ	259	372	403	231	183	390

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,784	6,248	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	1,481	1,281	15.6%
Tiền và tương đương tiền	390	372	5.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.5	48.0	57.3%
Phải thu ngắn hạn	345	247	39.4%
Hàng tồn kho	557	539	3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	113	74.4	52.3%
Tài sản dài hạn	4,303	4,967	-13.4%
Phải thu dài hạn	741	741	0.0%
Tài sản cố định	3,013	3,545	-15.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	71.0	92.3	-23.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	465	576	-19.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,155	5,629	-8.4%
Nợ ngắn hạn	1,068	1,174	-9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	284	415	-31.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	567	386	46.8%
Nợ dài hạn	4,087	4,456	-8.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,995	2,370	-15.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	629	618	1.7%
Vốn chủ sở hữu	629	618	1.7%
Vốn điều lệ	2,722	2,722	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

